

UBND HUYỆN Ý YÊN  
TRƯỜNG MN YÊN MINH  
Số: 29/QĐ-MNYM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Yên Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán các khoản thu – chi năm học 2023 – 2024**  
**Trường mầm non Yên Minh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON YÊN MINH**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu quyết toán các khoản thu – chi năm học 2023 - 2024 của Trường mầm non Yên Minh (theo biểu mẫu đính kèm).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VP.



**Bùi Thị Chinh**

Yên Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2024

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI  
VỀ CÁC KHOẢN THU ĐẦU NĂM  
Năm học: 2023-2024**

| STT       | Nội dung thu                                       | Hình thức thu<br>(tháng/năm) | Mức thu                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú                                          |
|-----------|----------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Các khoản thu theo quy định</b>                 |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                  |
| 1         | Học phí                                            | Theo kỳ học                  | 90.000đ/tháng/học sinh<br>x số tháng thực học trong kỳ                                                                                                                                                                                                                                        |                                                  |
| <b>II</b> | <b>Các khoản thu theo thỏa thuận</b>               |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                  |
| 1         | Tiền nước uống                                     | Theo tháng                   | 10.000đ/tháng/học sinh                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                  |
| 2         | Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh               | Theo tháng                   | 18.000đ/tháng/học sinh                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                  |
| 3         | Tiền bán trú học sinh                              | Theo xuất<br>ăn/tháng        | <b>* Tiền nuôi ăn bán trú:</b><br>20.000đ/ngày/học sinh, trong đó:<br>+ Thực phẩm: 19.000đ<br>+ Chất đốt và phụ phí: 1.000đ<br><b>* Tiền QL,CS trẻ buổi trưa ăn<br/>bán trú và ngoài giờ HC:</b><br>5.000đ/trẻ/ngày<br><b>* Tiền trả công thuê người nấu<br/>ăn bán trú: 70.000đ/hs/tháng</b> |                                                  |
| 4         | Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú | Theo năm                     | 300.000 đ/năm/học sinh                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chỉ thu đối với học sinh lần đầu tiên ăn bán trú |
| 5         | Vận động tài trợ                                   | Theo năm                     | Theo mức đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh                                                                                                                                                                                                                                            |                                                  |
| 6         | Tiền học kỹ năng sống Poky                         | Theo tháng                   | 40.000đ/tháng/học sinh                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                  |

Người lập biểu

Thuy  
Trần Thị Thúy



Hiệu trưởng  
**HIỆU TRƯỞNG  
BÙI THỊ CHINH**

Yên Minh, ngày 03 tháng 06 năm 2024

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI  
QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN THU**

**Năm học: 2023-2024**

**I. Các khoản thu - chi phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục trong nhà trường**

| STT | Nội dung thu              | Số thu        | Số chi        | Tồn | Ghi chú |
|-----|---------------------------|---------------|---------------|-----|---------|
| 1   | Thu tiền nước uống        | 22,560,000    | 22,560,000    | -   |         |
| 2   | Thu tiền dịch vụ vệ sinh  | 40,608,000    | 40,608,000    | -   |         |
| 3   | Thu tiền bán trú học sinh | 1,095,955,000 | 1,095,955,000 | -   |         |
| 4   | Thu tiền trẻ đầu cấp      | 15,300,000    | 15,300,000    | -   |         |
| 5   | Thu tiền kỹ năng sống     | 61,760,000    | 61,760,000    | -   |         |

**II. Các khoản thu - chi vận động tài trợ**

| STT | Nội dung thu         | Số thu      | Số chi      | Tồn | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-----|---------|
| 1   | Thu vận động tài trợ | 120,474,000 | 120,474,000 | -   |         |

**III. Các khoản thu - chi học phí**

| STT | Nội dung thu                  | Số thu      | Số chi      | Tồn        | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|-------------|-------------|------------|---------|
| 1   | Thu học phí năm học 2023-2024 | 201,600,000 | 132,924,843 | 68,675,157 |         |

Người lập biểu

Phạm Thị Uyên



Hiệu trưởng

Bùi Thị Chinh